

Bản án số: **01/2023/HS-PT**

Ngày: 05/01/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng và ông Trần Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Vân – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Văn Tám – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 90/2022/TLPT-HS ngày 17 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T do có kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên đối với phần bồi thường dân sự tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2022/HS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1988; tại tỉnh P. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Đường T, Phường 4, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên; chỗ ở hiện nay: Khu phố T, Phường X, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên tiếp thị; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954 và bà Trần Thị P, sinh năm 1954; có chồng Bùi Minh T, sinh năm 1986 (Đã ly hôn) và 03 con, lớn nhất sinh năm 2009 và nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T: Ông Phạm Hồng Phúc – Luật sư, Văn phòng Luật sư Khấn Vũ – Chi nhánh Phú Yên, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Khu phố H, phường T, thị xã Đông Hoà, tỉnh Phú Yên. (Bị thương tật, tỷ lệ 99%; vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Duy H:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976 (Vợ ông H). Nơi cư trú: Khu phố H, phường T, thị xã Đông Hoà, tỉnh Phú Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 01/3/2022, Nguyễn Thị Ngọc T có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển số 78F1-517.6X lưu hành trên đường Lê Duẩn hướng Nam – Bắc, nơi có đặt biển báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên. Cùng lúc này, Nguyễn Duy H, trú tại khu phố H, phường T, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên điều khiển xe mô tô biển số 78M1-059.4X (trong máu có nồng độ cồn) lưu hành trên đường An Dương Vương theo hướng Tây – Đông, nơi có đặt biển báo nguy hiểm giao nhau với đường ưu tiên. Khi 02 xe cùng vào ngã tư đường Lê Duẩn – thuộc Phường A, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, do T và H không giảm tốc độ để đảm bảo an toàn tại nơi đường giao nhau, nên bánh trước xe mô tô do T điều khiển tông vào ống xả khí bên phải của xe mô tô do H điều khiển làm 02 xe và người trên xe ngã ra đường, tạo ra nhiều vết chà xát và cày xước trên mặt đường, trong đó xe mô tô biển số 78F1-517.6X do T điều khiển tạo ra vết cày xước dài 12,7m. Hậu quả: Nguyễn Duy H bị thương tích, tỷ lệ 99%; xe mô tô biển số 78M1-059.4X bị hư hỏng phải sửa chữa hết 530.000 đồng; Nguyễn Thị Ngọc T bị thương tích, tỷ lệ 08%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2022/HS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên đã tuyên bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Áp dụng Điểm b, Khoản 1 Điều 260; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự; phạt: Nguyễn Thị Ngọc T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 590, 593 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Duy H số tiền 268.041.770 đồng về khoản thiệt hại do sức khỏe và tài sản bị xâm phạm. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Duy H chi phí hợp lý hàng tháng số tiền 5.000.000 đồng/tháng, thời gian bị hại Nguyễn Duy H được hưởng khoản tiền bồi thường kể từ tháng 10/2022 cho đến khi bị hại chết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2022, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và giảm mức bồi thường thiệt hại.

Ngày 12/10/2022, người đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo xin cho bị cáo hưởng án treo.

Ngày 12/10/2022, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hoà có quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKSTH ngày 12/10/2022 với nội dung, kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2022/HSST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà về phần trách nhiệm dân sự, đề nghị giảm mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa,

+ Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, bà Nguyễn Thị Đ đại diện hợp pháp cho người bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị cáo T khai nhận tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

+ Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điểm d, e Khoản 1, Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hoà – Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt và phần bồi thường dân sự.

Áp dụng Điểm b, Khoản 1 Điều 260; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 3 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự; phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T – 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân Phường 9, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589, 590, 593 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 146.520.885 đồng (293.041.770 đ/2), bị cáo đã bồi thường 39.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường 107.520.885 đồng và hàng tháng còn phải bồi thường chi phí hợp lý cho việc nuôi dưỡng, điều trị cho người bị hại và chi phí hợp lý cho người chăm sóc bị hại 2.500.000 đồng/tháng (5.000.000đ/2), kể từ tháng 10/2022 đến khi bị hại chết.

+ Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên về phần hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo; nhưng về phần bồi thường dân sự Kiểm sát viên đề nghị buộc bị cáo phải chịu $\frac{1}{2}$ mức lỗi trên số tiền phải bồi thường là không hợp lý, vì lỗi của bị hại nhiều hơn.

Trong phần đối đáp, Kiểm sát viên không nhất trí với ý kiến của người bào chữa về phần bồi thường dân sự, giữ nguyên quan điểm; bị cáo tiếp tục xin Tòa giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 01/3/2022, tại ngã tư đường Lê Duẩn, thuộc Phường A, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyễn Thị Ngọc T điều khiển xe mô tô không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi qua nơi đường bộ giao nhau, có biển cảnh báo nguy hiểm gây tai nạn làm Nguyễn Duy H bị thương tích, tỷ lệ 99% và gây thiệt hại về tài sản trị giá 530.000 đồng. Đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại cho sức khỏe của người khác, vi phạm Khoản 1, Khoản 3 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới; Điều 12 Luật giao thông đường bộ; nên cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo Điều b, Khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2] Đối với Nguyễn Duy H điều khiển xe mô tô tham gia giao thông trong trạng thái đã sử dụng rượu, bia có nồng độ cồn 0,86mg/100ml máu, không nhường đường cho xe trên đường ưu tiên, không giảm tốc độ tại nơi có đường giao nhau, đã vi phạm Khoản 11 Điều 8; Khoản 3 Điều 24; Điều 12 Luật Giao thông đường bộ và Khoản 3 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 19/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới. Tuy nhiên, Nguyễn Thị Ngọc T bị thương tích, tỷ lệ 08%, nên hành vi của H không cấu thành tội phạm, cấp sơ thẩm không truy cứu truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, kháng cáo của bà Nguyễn Thị – đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Duy H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Hội đồng xét xử, thấy:

[2.1] Về hình phạt: Mặc dù tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu chứng minh đã bồi thường thêm cho bị hại 14.000.000 đồng; và tiếp tục được đại diện hợp pháp của người bị hại xin cho bị cáo hưởng án treo. Tuy nhiên, tính chất phạm tội của bị cáo rất nghiêm trọng, hậu quả để lại rất lớn, người bị hại bị tổn thương cơ thể, tỷ lệ 99%, nằm bất động một chỗ, cần có người chăm sóc lâu dài, nên khi lượng hình án sơ thẩm chỉ phạt bị cáo 06 tháng tù là đã có cân nhắc trong quyết định hình phạt, đồng thời không cho bị cáo hưởng án treo mới đáp ứng được yêu cầu phòng chống loại tội phạm này tại địa phương. Do đó, Kiểm sát viên, Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại để cho bị cáo hưởng án treo là không thuyết phục, nên không chấp nhận.

[2.2] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Án sơ thẩm xác định và buộc bị cáo phải bồi thường tổng chi phí điều trị thương tích và chi phí sửa chữa xe mô tô cho bị hại số tiền 293.041.770 đồng; và một khoản chi phí cho việc nuôi dưỡng bị hại 5.000.000đ/tháng tính từ tháng 10/2022 đến khi bị hại chết. Thấy rằng:

[2.2.1] Đối với khoản chi phí điều trị thương tích và chi phí sửa chữa xe mô tô cho bị hại số tiền 293.041.770 đồng

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo có ý kiến chấp nhận bồi thường các khoản chi phí điều trị thương tích và chi phí sửa chữa xe mô tô cho bị hại có hóa đơn, chứng từ 121.441.771 đồng. Nhưng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chưa làm rõ bị cáo chấp nhận bồi thường toàn bộ hay xem xét trên cơ sở mức độ lỗi của các bên. Nên việc bản án sơ thẩm công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo với đại diện hợp pháp cho người bị hại về việc bị cáo bồi thường cho bị hại 121.441.771 đồng là chưa đảm bảo căn cứ. Ngoài ra, án sơ thẩm còn xem xét chấp nhận một số khoản chi phí của đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu, để buộc bị cáo bồi thường số tiền 171.600.000 đồng, mà không xem xét phần thiệt hại do lỗi của bị hại là không đúng quy định tại Khoản 4 Điều 585 Bộ luật Dân sự, gây thiệt hại cho bị cáo. Do đó, bị cáo kháng cáo xin giảm bồi thường, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa kháng nghị theo hướng giảm mức bồi thường của bị cáo và không buộc bị cáo bồi thường thiệt hại tương ứng do lỗi của bị hại gây ra đối với khoản tiền trên là có cơ sở chấp nhận. Đánh giá về nguyên nhân cũng như hậu quả của vụ tai nạn để xác định mức độ lỗi của bị hại trong vụ án là 1/3, bị cáo phải bồi thường là 2/3; cụ thể khoản chi phí điều trị thương tích và chi phí sửa chữa xe mô tô cho bị hại là 293.041.770 đồng (121.441.771đ + 171.600.000đ), bị hại phải chịu 1/3 chi phí, tương ứng 97.680.590 đồng; bị cáo phải bồi thường 2/3 chi phí điều trị và sửa chữa xe mô tô cho bị hại, tương ứng 195.361.181 đồng; bị cáo đã bồi thường 39.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường 156.361.181 đồng.

[2.2.2] Đối với khoản chi phí cho việc nuôi dưỡng bị hại 5.000.000đ/tháng tính từ tháng 10/2022 đến khi bị hại chết

Bị hại Nguyễn Duy H bị tổn thương cơ thể, tỷ lệ 99%, không còn khả năng lao động, nên án sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu một khoản chi phí cho việc nuôi dưỡng bị hại là có căn cứ. Tuy nhiên, bị hại Nguyễn Duy H với bà Nguyễn Thị Đ có hai con chung Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 2006; Nguyễn Thị Huyền D, sinh năm 2009; đều là người dưới 18 tuổi, nhưng đại diện của bị hại bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải cấp dưỡng nuôi các con của vợ chồng cho đến khi đủ 18 tuổi; bà Nguyễn Thị Đ cũng tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải cấp dưỡng một khoản tiền cho người thường xuyên chăm sóc người bị hại cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; là án sơ thẩm đã xem xét, cân nhắc đến điều kiện kinh tế, thu nhập và có lợi cho bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa theo hướng giảm mức bồi thường khoản chi phí cho việc nuôi dưỡng, điều trị bị hại 5.000.000đ/tháng tính từ tháng 10/2022 đến khi bị hại chết; là không thỏa đáng, nên không chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[3.1] *Về án phí dân sự:* Do sửa bản án sơ thẩm về giảm mức bồi thường dân sự, nên án phí dân sự sơ thẩm cũng được tính lại cho bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T còn phải tiếp tục bồi thường 156.361.181 đồng x 5%, do đó phải chịu 7.818.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến nghĩa vụ bồi thường thiệt hại; và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T; và của bà Nguyễn Thị Đ đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Duy H – Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Căn cứ Điểm d, Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm mức bồi thường thiệt hại của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T; và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên – Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm bồi thường dân sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1. Về Hình phạt: Áp dụng Điểm b, Khoản 1 Điều 260; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T – 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 590, 593 Bộ luật Dân sự;

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải bồi thường các khoản chi phí điều trị thương tích và chi phí sửa chữa xe mô tô cho bị hại Nguyễn Duy H, tương ứng với mức độ lỗi do bị cáo gây ra cho bà Nguyễn Thị Đ đại diện hợp pháp của bị hại nhận số tiền 195.361.181đ (Một trăm chín mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi nghìn một trăm tám mươi đồng). Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T đã bồi thường 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng), còn phải tiếp tục bồi thường 156.361.181đ (Một trăm năm mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn một trăm tám mươi đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải bồi thường chi phí hợp lý cho việc nuôi dưỡng, điều trị hàng tháng người bị hại Nguyễn Duy Hùng cho bà Nguyễn Thị Đồn đại diện hợp pháp của bị hại nhận số tiền 5.000.000đ/tháng (Năm triệu đồng), kể từ tháng 10/2022, cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 7.818.000đ (Bảy triệu tám trăm mười tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến nghĩa vụ bồi thường thiệt hại; và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng (1);
- VKSND cấp cao Đà Nẵng (1)
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND thành phố Tuy Hòa (2);
- VKSND thành phố Tuy Hòa (1);
- Công an TP Tuy Hòa (1);
- PV06;
- Sở tư pháp (1);
- Bị cáo;
- Lưu án văn (1); lưu hồ sơ (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Nguyên Tùng

